



MWG: HOSE

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động

Lợi nhuận Q3/2024 giảm nhưng triển vọng tăng trưởng tích cực

Giá Mục tiêu

77.000 Đồng

MUA

Ngày báo cáo: 27/11/2024

Giá CP ngày 27/11/2024: 60.200 đồng

% Tăng giá: **27,9%**

NGÀNH: **HÀNG TIÊU DÙNG**

CVPTCC: **Nguyễn Trần Phương Nga**

Email: ngantp@ssi.com.vn

SĐT: +84-28 3824 2897 ext. 6731

Chi tiêu cơ bản

Vốn hóa (tỷ đồng): 87.715

KLGDTB 3 tháng (CP): 9.027.060

Giá Cao/Thấp nhất 52W: 70/37,7

Tỷ lệ SHNN(%): 46,9%

Tỷ lệ sở hữu NN (%): 0,00%

Biến động giá



	3M	YTD	1Y	2Y
VNIndex	-3%	10%	14%	28%
MWG	-13%	42%	60%	62%

Nguồn: SSI Research

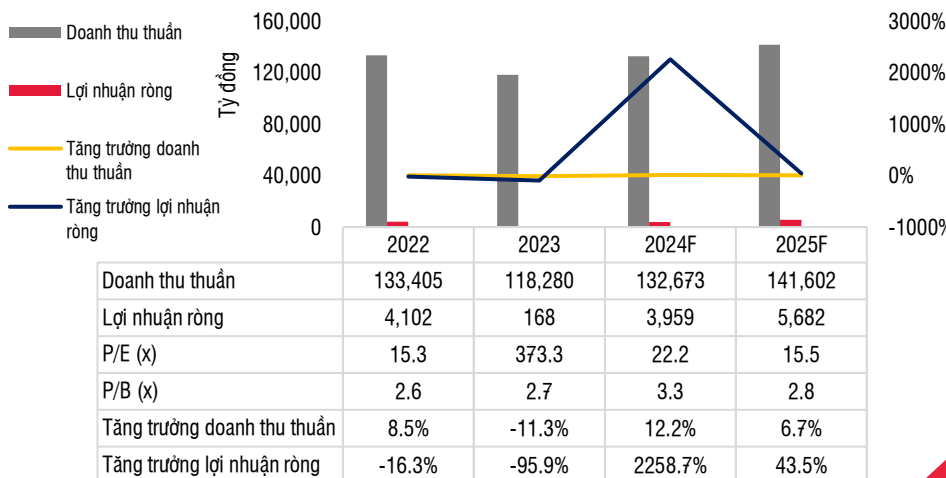
Thông tin cơ bản về công ty

MWG (trước đây là công ty TNHH Thế Giới Di Động) được thành lập vào tháng 3/2004 với trọng tâm chính là bán điện thoại di động và sản phẩm kỹ thuật số. Vào tháng 10/2004, cửa hàng đầu tiên được khai trương tại TP.HCM và được đặt tên là www.thegioididong.com. Để thâm nhập vào thị trường điện tử, MWG đã mở chuỗi bán lẻ điện tử dưới tên Dienmay.com vào năm 2010. Năm 2015, công ty mở cửa hàng bách hóa đầu tiên mang tên Bách Hóa Xanh. Từ năm 2022, MWG bắt đầu hợp nhất tài chính chuỗi nhà thuốc An Khang vào báo cáo tài chính của mình. Cuối năm 2023, MWG có 980 cửa hàng thegioididong và 2.190 cửa hàng Điệnmayxanh và 1.698 cửa hàng Bách Hóa Xanh.

➤ KQKD Q3/2024 cải thiện đáng kể từ mức thấp năm trước, với doanh thu 34,1 nghìn tỷ (13% svck) và LNST 806 tỷ (1.976% svck). Tuy nhiên, LNST giảm 31% so với quý trước do mùa vụ, và chi phí bất thường liên quan việc đóng các cửa hàng, ảnh hưởng của bão Yagi, và trích khấu hao lợi thế thương mại. Loại các khoản bất thường, LNTT hợp nhất cốt lõi trong Q3/2024 là 1,5 nghìn tỷ (-11% svqt do mùa vụ). Trong Q3/2024, chuỗi Erablue đã có lãi, và sẽ được nhân rộng mạnh trong tương lai.

➤ Chúng tôi giảm ước tính LNST 2024 còn 4 nghìn tỷ (2259% svck) do các chi phí bất thường trong Q3/2024, và ước tính LNST 2025 còn 5,7 nghìn tỷ (+44% svck) để phản ánh tiêu dùng phục hồi chậm và việc mở rộng cửa hàng BHX ra các tỉnh mới có thể ảnh hưởng đến lợi nhuận. Tăng trưởng 2025 thúc đẩy bởi sự cải thiện liên tục của chuỗi ĐMX/TGĐĐ/BHX, chuỗi nhà thuốc lỗ ít hơn và không ghi nhận chi phí bất thường. Chúng tôi đưa ra giá mục tiêu mới cho MWG là **77.000 đồng/cổ phiếu**, tiềm năng tăng giá 27,9%. Do giá cổ phiếu gần đây đã giảm, chúng tôi nâng khuyến nghị đối với MWG lên **MUA**.

➤ **Trong ngắn hạn**, khối ngoại bán ròng có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu, mặc dù đây có thể là cơ hội tốt để tích lũy cổ phiếu với tăng trưởng lợi nhuận Q4/2024 dự kiến đạt 34% svqt và gấp 12 lần svck, và tăng trưởng 2025 đạt 44% svck.



Nguồn: MWG, SSI Research

Visit SSI Research on Bloomberg at **RESP SSIV <GO>**

SSI Research Web Portal: <https://www.ssi.com.vn/khach-hang-ca-nhan/bao-cao-cong-ty>

Nhìn lại KQKD Q3/2024

Tỷ đồng	3Q24	3Q23	YoY	2Q24	QoQ	% hoàn thành kế hoạch năm	Biên lợi nhuận			
							3Q24	3Q23	2Q24	2023
Doanh thu thuần	34.146,7	30.287,7	12,7%	34.134,1	0,0%	79,8%				
Lợi nhuận gộp	6.891,9	5.678,5	21,4%	7.307,7	-5,7%		20,2%	18,7%	21,4%	19,0%
Lợi nhuận hoạt động	1.419,2	87,0	1531,3%	1.477,0	-3,9%		4,2%	0,3%	4,3%	0,6%
EBIT	1.371,7	620,4	121,1%	1.759,1	-22,0%		4,0%	2,0%	5,2%	1,8%
EBITDA	2.081,3	1.627,2	27,9%	2.437,6	-14,6%		6,1%	5,4%	7,1%	4,7%
LNTT	1.068,0	182,0	486,8%	1.516,0	-29,6%		3,1%	0,6%	4,4%	0,6%
Lợi nhuận ròng	805,8	38,8	1975,9%	1.172,4	-31,3%	120,0%	2,4%	0,1%	3,4%	0,1%
Lợi nhuận ròng thuộc cổ đông công ty mẹ	800,1	38,7	1965,5%	1.172,3	-31,7%		2,3%	0,1%	3,4%	0,1%

Nguồn: MWG, SSI Research

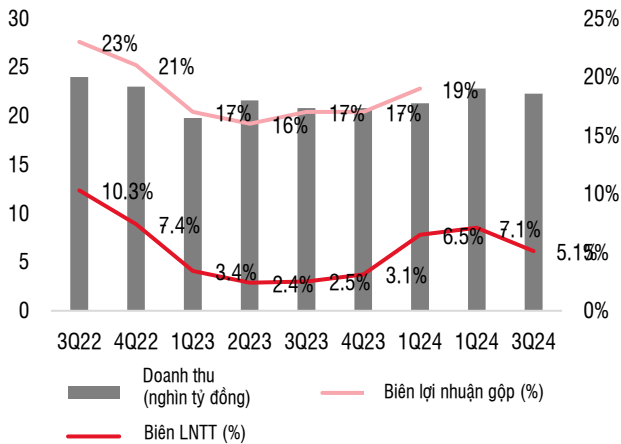
Trong Q3/2024, doanh thu thuần và LNST của MWG lần lượt đạt 34,1 nghìn tỷ đồng (13% svck) và 806 tỷ đồng (1.976% svck). Lũy kế 9T2024, doanh thu thuần và LNST lần lượt đạt 99,8 nghìn tỷ đồng (15% svck) và 2,9 nghìn tỷ đồng (+3617% svck), lần lượt hoàn thành 80% và 120% kế hoạch năm của công ty. Lợi nhuận tính từ đầu năm đến nay thấp hơn một chút so với ước tính cả năm 2024 của chúng tôi (4,3 nghìn tỷ đồng) do ghi nhận chi phí bất thường.

Chi phí bất thường trong Q3/2024: Phần lớn các chi phí bất thường liên quan đến kinh doanh mảng điện thoại điện máy, bao gồm (1) chi phí liên quan đến đóng cửa hàng ĐMX/TGDĐ/An Khang là 252 tỷ đồng, (2) chi phí liên quan đến bão Yagi (100 tỷ đồng) và (3) trích khấu hao lợi thế thương mại liên quan đến công ty con Trần Anh (93 tỷ đồng). Nếu không tính đến các chi phí bất thường, LNTT hợp nhất cốt lõi trong Q3/2024 sẽ đạt 1,5 nghìn tỷ đồng (-11% so với quý trước do yếu tố mùa vụ).

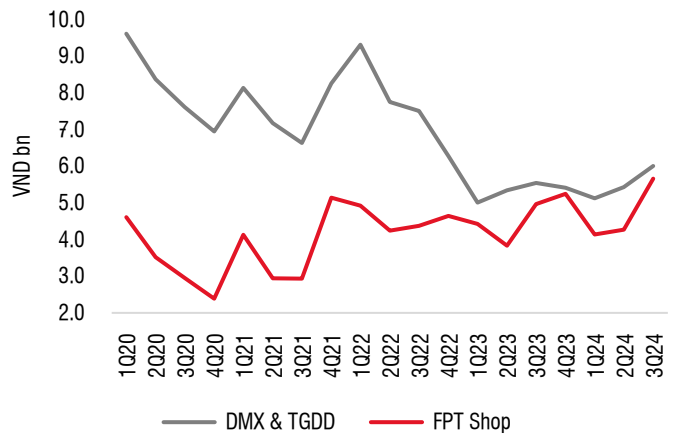
Các chuỗi điện thoại điện máy (ĐMX, TGDĐ, Topzone, Erablue):

- KQKD Q3/2024:** Tổng doanh thu đạt 22,3 nghìn tỷ đồng (+7% svck) trong Q3/2024, trong khi LNTT cốt lõi tăng mạnh 205% svck nhờ tối ưu hóa chi phí và áp lực giải phóng hàng tồn kho giảm. Mức tồn kho trong các quý gần đây thấp hơn nhiều so với mức trung bình trong năm 2021-2022 (xem ở biểu đồ dưới), do đó giảm áp lực giải phóng hàng tồn kho và nâng cao lợi nhuận. So với quý trước, doanh thu giảm 2% do yếu tố mùa vụ. MWG đã đóng 86 cửa hàng ĐMX/TGDĐ trong Q3/2024 (so với 116 cửa hàng trong Q2/2024), dẫn đến chi phí bất thường trong Q3/2024, nhưng sẽ giúp tối ưu hóa chi phí trong dài hạn. Tuy nhiên, biên LNTT giảm 200 điểm cơ bản so với quý trước do thay đổi cơ cấu sản phẩm (doanh thu của điều hòa thấp hơn và doanh thu của iPhones cao hơn trong Q3/2024) do yếu tố mùa vụ và chi phí bất thường như đã giải thích ở trên. Nếu không tính đến các chi phí bất thường, LNTT của chuỗi điện thoại điện máy sẽ giảm 13% svck.

KQKD của ĐMX & TGDD & Topzone



Lượng hàng tồn kho theo chuỗi cửa hàng



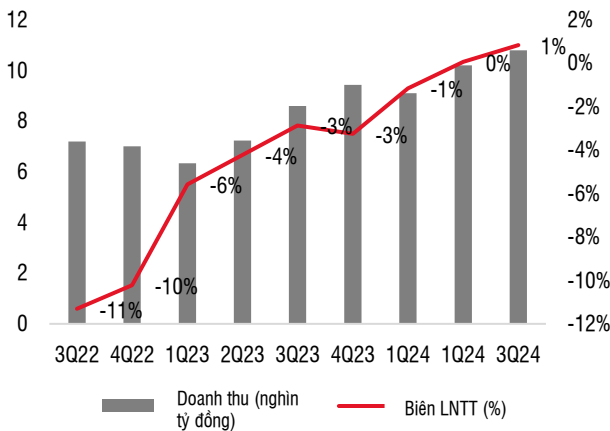
Nguồn: SSI ước tính dựa trên dữ liệu của MWG

- Trong Q3/2024, chuỗi Erablue (chuỗi điện thoại điện máy tại Indonesia) đã có lãi.** Với (1) mô hình kinh doanh hiệu quả, (2) thị trường điện thoại điện máy có tính phân mảnh với các cửa hàng nhỏ lẻ hiện chiếm 80% thị trường (theo doanh nghiệp chia sẻ) và (3) tiềm năng tiêu dùng lớn (156 triệu dân số tại đảo Java của Indonesia so với 100 triệu dân số tại Việt Nam), MWG sẽ mở rộng mạnh mẽ chuỗi Erablue trong thời gian tới để gia tăng thị phần. Công ty cũng đặt mục tiêu mở rộng mạng lưới cửa hàng từ 86 cửa hàng hiện nay lên 150 cửa hàng trong tháng 12/2025 và 500 cửa hàng vào tháng 12/2027, từ đó đạt doanh thu 1 tỷ USD vào năm 2027 (tương đương khoảng 27% doanh thu điện thoại điện máy của MWG tại Việt Nam). Do đó, chúng tôi bắt đầu đưa chuỗi Erablue vào định giá của mình, với **doanh thu Erablue ước tính năm 2024-2025 đạt lần lượt 3,9 nghìn tỷ đồng và 7,4 nghìn tỷ đồng (91% svck) và ước tính lợi nhuận ròng lần lượt đạt 2 tỷ đồng và 37 tỷ đồng.**
- Ước tính:** Mặc dù KQKD mảng điện thoại điện máy đã cải thiện đáng kể trong 3 quý đầu năm 2024, phần lớn nhờ (1) tiêu dùng phục hồi, (2) tối ưu hóa chi phí và (3) áp lực giải phóng hàng tồn kho ít hơn do mức tồn kho thấp hơn, một số chi phí bất thường (chiếm khoảng 14% tổng LNTT trong 9T2024) vẫn có thể ảnh hưởng đến tổng lợi nhuận của công ty. Trong số các chi phí bất thường, MWG vẫn có thể phải trích khấu hao lợi thế thương mại còn lại (107 tỷ đồng) trong Q4/2024. Tuy nhiên, quý 4 thường là mùa cao điểm của MWG, nên chi phí bất thường có thể không ảnh hưởng nhiều đến lợi nhuận như trong Q3/2024. Sang năm 2025, tiêu dùng có thể sẽ phục hồi chậm. **Do đó, chúng tôi điều chỉnh ước tính doanh thu năm 2024-2025 đối với mảng điện thoại điện máy lần lượt đạt 89 nghìn tỷ đồng (7% svck, không đổi) và 93 nghìn tỷ đồng (+4,5% svck, từ 96 nghìn tỷ đồng).** Lợi nhuận có thể sẽ tiếp tục đà phục hồi sau những nỗ lực tối ưu hóa chi phí trong Q2/2024 và Q3/2024, khi MWG đóng cửa các cửa hàng ở các khu vực có mật độ cao và chuyển doanh thu của các cửa hàng đã đóng cửa sang các cửa hàng lân cận.

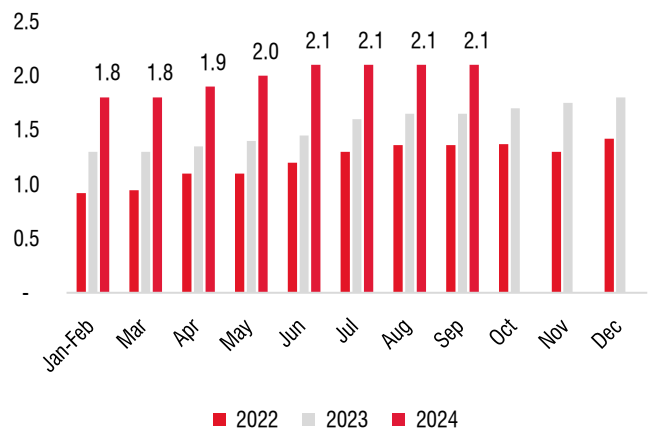
Mảng Bách hóa (BHX):

- KQKD Q3/2024:** Tổng doanh thu đạt 10,8 nghìn tỷ đồng (26% svck, 6% so với quý trước) trong Q3/2024. Doanh thu hàng tháng/cửa hàng vẫn giữ ở mức cao (2,1 tỷ đồng từ tháng 6 đến Q3/2024). Lợi nhuận ròng của BHX cải thiện lên 90 tỷ đồng trong Q3/2024 (so với 7 tỷ đồng trong Q2/2024). MWG đã mở lại các cửa hàng mới với tốc độ thận trọng (25 cửa hàng mới trong quý 3/2024), nâng tổng số cửa hàng bách hóa lên 1.726 tính đến Q3/2024.

KQKD của BHX



Doanh thu hàng tháng/cửa hàng của BHX (tỷ đồng)



Nguồn: SSI ước tính dựa trên dữ liệu của MWG

- Ước tính:** Chúng tôi kỳ vọng doanh thu tháng trên cửa hàng sẽ ổn định quanh mức 2,1 tỷ đồng trong tương lai. Trong khi đó, chúng tôi kỳ vọng MWG sẽ tập trung hơn vào mở rộng mạng lưới cửa hàng (mở mới 50-200 cửa hàng trong năm 2024-2025) và cải thiện biên lợi nhuận (giảm tỷ lệ hư hỏng thực phẩm, số hóa các công việc có tính chất lặp lại tại cửa hàng để giảm chi phí lao động và logistics). MWG có thể mở mới các cửa hàng ở các tỉnh mới từ quý 4/2024, điều này khiến chúng tôi điều chỉnh tăng dự báo doanh thu, nhưng điều chỉnh giảm dự báo lợi nhuận ròng do chi phí logistics và kho bãi ban đầu ở tỉnh mới. **Doanh thu năm 2024-2025 cho BHX hiện được ước tính là 41 nghìn tỷ đồng (tăng 30% so với cùng kỳ, từ 40 nghìn tỷ đồng) và 46 nghìn tỷ đồng (tăng 13% so với cùng kỳ, từ 45 nghìn tỷ đồng), trong khi lợi nhuận ròng năm 2024-2025 được ước tính là 138 tỷ đồng – 542 tỷ đồng (từ 228 tỷ đồng – 668 tỷ đồng).**

Nhà thuốc (An Khang):

- Diễn biến gần đây:** Từ giữa năm 2022, MWG đã dừng mở mới nhà thuốc để điều chỉnh mô hình kinh doanh. Tuy nhiên, lợi nhuận của chuỗi nhà thuốc An Khang vẫn âm đậm (biên LNTT -15% trong năm 2023 và -8%-10% trong 9T2024, theo ước tính của chúng tôi) do cơ cấu sản phẩm không phù hợp. Do đó, MWG quyết định đóng cửa các nhà thuốc An Khang từ tháng 6 để giảm thiểu lỗ, đồng thời vẫn tìm cách điều chỉnh mô hình kinh doanh nhà thuốc. Từ đầu năm đến nay, MWG đã đóng cửa 200 nhà thuốc (khoảng 40% tổng số cửa hàng).

SSI - TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ TƯ VẤN ĐẦU TƯ

- Ước tính:** tính cả việc đóng cửa các cửa hàng An Khang, chúng tôi duy trì ước tính doanh thu năm 2024 là 2,5 nghìn tỷ đồng (tăng 16% svck) cho An Khang nhưng điều chỉnh ước tính doanh thu năm 2025 giảm 31% còn 2,0 nghìn tỷ đồng (giảm 21% svck). Chúng tôi lưu ý rằng MWG vẫn đang gặp khó khăn với mô hình kinh doanh nhà thuốc. Do đó, chúng tôi dự báo rằng **An Khang có thể vẫn chịu lỗ 369 tỷ đồng và 232 tỷ đồng trong giai đoạn 2024-2025.**

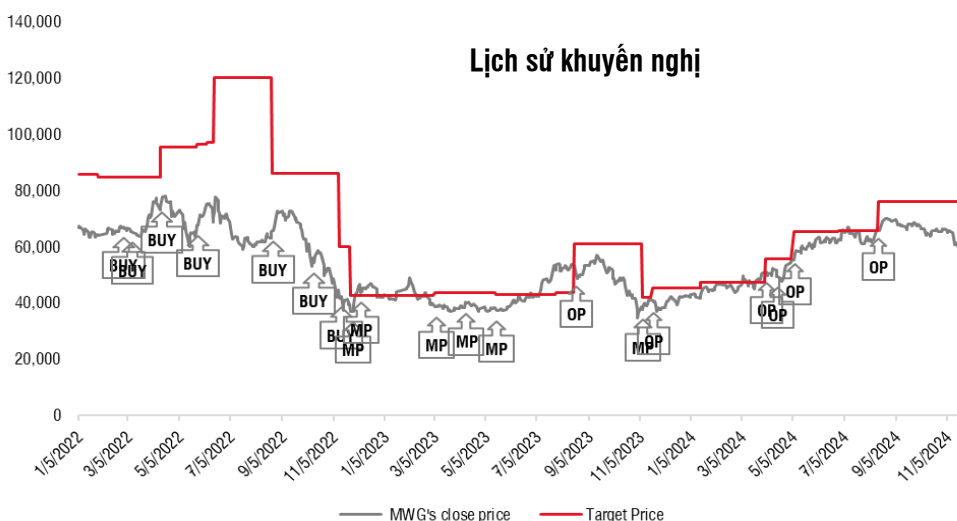
Nhìn chung, chúng tôi điều chỉnh giảm dự báo lợi nhuận ròng năm 2024 xuống 4 nghìn tỷ đồng (2259% svck, từ 4,3 nghìn tỷ đồng) chủ yếu do chi phí bất thường cao hơn dự kiến. MWG vẫn có thể phải trích chi phí khấu hao lợi thế thương mại (107 tỷ đồng) trong Q4/2024. Tuy nhiên, quý 4 là mùa cao điểm, nên chi phí bất thường có thể sẽ không ảnh hưởng nhiều đến lợi nhuận như trong Q3/2024. Chúng tôi cũng điều chỉnh giảm dự báo lợi nhuận ròng năm 2025 xuống 5,7 nghìn tỷ đồng (+46% svck, từ 6 nghìn tỷ đồng) để phản ánh tiêu dùng không thiết yếu phục hồi chậm và mở rộng cửa hàng bách hóa tại các tỉnh mới, điều này có thể ảnh hưởng đến lợi nhuận. Do điều chỉnh ước tính năm 2024-2025 và đưa chuỗi Erablue vào định giá, chúng tôi tăng giá mục tiêu 1 năm của MWG lên 77.000 đồng/cổ phiếu (từ 76.000 đồng).

Rủi ro: Tiêu dùng không thiết yếu phục hồi chậm hơn kỳ vọng.

	2023	2024F	2025F	2023 YoY	2024F YoY	2025F YoY
Doanh thu (tỷ đồng)	118.280	132.673	141.602	-11%	12%	7%
Điện thoại điện máy	83.515	89.160	93.137	-20%	7%	4%
Bách hóa	31.604	40.968	46.443	17%	30%	13%
Nhà thuốc	2.200	2.545	2.023	47%	16%	-21%
Lợi nhuận ròng	168	3.959	5.682	-96%	2259%	44%

	Phương pháp định giá	Giá trị VCSH	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ đồng
Điện thoại điện máy	P/E (11x, không đổi)	58.783 (từ 60.340)	100%	58.783
Erablue	P/S (1x)	7.365 (mới)	50%	3.683
Bách hóa	DCF	51.064 (từ 51.318)	95%	48.485
Nhà thuốc	P/S (0.6x, không đổi)	1.214 (từ 2.041)	100%	1.214
Định giá MWG				112.165
SLCP lưu hành (triệu)				1.463
Giá mục tiêu				76.648

Nguồn: SSI dự báo



Nguồn: SSI Research. Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2022	2023	2024F	2025F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	5.061	5.366	5.188	11.459
+ Đầu tư ngắn hạn	10.059	18.937	18.937	18.937
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	3.072	5.159	4.710	5.027
+ Hàng tồn kho	25.696	21.824	24.585	25.991
+ Tài sản ngắn hạn khác	743	661	1.291	1.372
Tổng tài sản ngắn hạn	44.631	51.947	54.710	62.786
+ Các khoản phải thu dài hạn	495	458	531	566
+ GTCL Tài sản cố định	9.728	6.500	3.181	750
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn dở dang	69	4	4	4
+ Đầu tư dài hạn	241	747	287	287
+ Tài sản dài hạn khác	671	452	408	434
Tổng tài sản dài hạn	11.203	8.161	4.411	2.041
Tổng tài sản	55.834	60.108	59.121	64.827
+ Nợ ngắn hạn	26.000	30.762	26.771	27.197
Trong đó: vay ngắn hạn	10.688	19.129	11.508	11.060
+ Nợ dài hạn	5.901	5.986	5.754	6.083
Trong đó: vay dài hạn	5.901	5.985	5.754	6.083
Tổng nợ phải trả	31.902	36.748	32.525	33.280
+ Vốn góp	14.639	14.634	14.634	14.634
+ Thặng dư vốn cổ phần	558	558	558	558
+ Lợi nhuận chưa phân phối	8.724	8.160	11.387	16.338
+ Quý khác	12	7	17	17
Vốn chủ sở hữu	23.933	23.360	26.596	31.547
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	55.834	60.108	59.121	64.827
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	7.923	3.478	8.236	7.721
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	1.602	-10.874	160	-600
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	-8.606	7.700	-8.574	-850
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	919	304	-178	6.271
Tiền đầu kỳ	4.142	5.061	5.366	5.188
Tiền cuối kỳ	5.061	5.366	5.188	11.459
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	1,72	1,69	2,04	2,31
Hệ số thanh toán nhanh	0,70	0,96	1,08	1,30
Hệ số thanh toán tiền mặt	0,58	0,79	0,90	1,12
Nợ ròng / EBITDA	1,42	2,81	1,67	0,82
Khả năng thanh toán lãi vay	5,45	1,48	7,61	12,92
Ngày phải thu	0,8	0,8	1,0	1,1
Ngày phải trả	37,2	31,8	28,4	28,4
Ngày tồn kho	97,6	90,6	81,0	83,5
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,43	0,39	0,45	0,49
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,57	0,61	0,55	0,51
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	1,33	1,57	1,22	1,05
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,69	1,08	0,65	0,54
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,45	0,82	0,43	0,35

Nguồn: MWG, SSI dự báo

Tỷ đồng	2022	2023	2024F	2025F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	133.405	118.280	132.673	141.602
Giá vốn hàng bán	-102.623	-95.759	-104.615	-110.602
Lợi nhuận gộp	30.782	22.521	28.058	31.001
Doanh thu hoạt động tài chính	1.313	2.167	2.285	2.025
Chi phí tài chính	-1.383	-1.556	-1.300	-1.153
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	-21.790	-20.917	-19.200	-20.160
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-2.348	-1.196	-4.321	-4.573
Lợi nhuận từ HĐKD	6.575	1.018	5.522	7.140
Thu nhập khác	-518	-328	-385	14
Lợi nhuận trước thuế	6.056	690	5.138	7.154
Lợi nhuận ròng	4.102	168	3.959	5.682
Lợi nhuận chia cho cổ đông	4.100	168	3.959	5.682
Lợi ích của cổ đông thiểu số	2	0	0	0
Chỉ số tài chính				
EPS cơ bản (VND)	2.802	115	2.705	3.883
Giá trị sổ sách (VND)	16.344	15.964	18.165	21.548
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	500	500	500	500
EBIT	7.418	2.137	5.915	7.754
EBITDA	11.001	5.564	9.534	10.784
Tăng trưởng				
Doanh thu	8,5%	-11,3%	12,2%	6,7%
EBITDA	9,3%	-49,4%	71,4%	13,1%
EBIT	3,8%	-71,2%	176,7%	31,1%
Lợi nhuận ròng	-16,3%	-95,9%	2258,7%	43,5%
Vốn chủ sở hữu	17,4%	-2,4%	13,9%	18,6%
Vốn điều lệ	105,3%	0,0%	0,0%	0,0%
Tổng tài sản	-11,4%	7,7%	-1,6%	9,7%
Định giá				
P/E	15,3	373,3	22,2	15,5
P/B	2,6	2,7	3,3	2,8
Giá/Doanh thu	0,5	0,5	0,7	0,6
Tỷ suất cổ tức	1,2%	1,2%	0,8%	0,8%
EV/EBITDA	5,8	11,4	8,5	6,9
EV/Doanh thu	0,5	0,5	0,6	0,5
Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	23,1%	19,0%	21,1%	21,9%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	5,3%	0,6%	3,1%	4,0%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	3,1%	0,1%	3,0%	4,0%
CP bán hàng/Doanh thu thuần	16,3%	17,7%	14,5%	14,2%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	1,8%	1,0%	3,3%	3,2%
ROE	18,5%	0,7%	15,8%	19,5%
ROA	6,9%	0,3%	6,6%	9,2%
ROIC	11,7%	1,2%	9,9%	13,3%

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Hoàng Việt Phương

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

phuonghv@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8729

Vĩ mô

Phạm Lưu Hưng

Kinh tế trưởng

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 24) 3936 6321 ext. 8711

Thái Thị Việt Trinh

Chuyên viên cao cấp phân tích Vĩ mô

trinhttv@ssi.com.vn

SĐT: (+84 24) 3936 6321 ext. 8720

Phân tích Ngành Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trần Phương Nga

Chuyên viên cao cấp Phân tích

ngantp@ssi.com.vn

SĐT: (+84 28) 3824 2897 ext. 6731

Dữ liệu

Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 24) 3936 6321 ext. 8702

Chiến lược thị trường

Hồ Hữu Tuấn Hiều

Chuyên gia Chiến lược đầu tư

hieuhht1@ssi.com.vn

SĐT: (+84 24) 3936 6321 ext. 8704

Nguyễn Quốc Bảo

Chuyên viên cao cấp Chiến lược đầu tư

baonq1@ssi.com.vn

SĐT: (+84 28) 3824 2897 ext. 6737